

Số: 750/QĐ-UBND

An Giang, ngày 13 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực
Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi
chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 264/TTr-SNNMT ngày 07 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang (đính kèm Phụ lục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các quyết định sau đây:

+ Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh

vực Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 1057/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn An Giang.

- Thay thế thủ tục hành chính số 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56 Mục A thủ tục hành chính cấp tỉnh; thủ tục hành chính số 2, 4, 5 Mục B thủ tục hành chính cấp huyện Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2180/QĐ-UBND 29 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

- Thay thế thủ tục hành chính số 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36 Mục 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

- Thay thế thủ tục hành chính số 166, 167, 168, 169, 170 Phụ lục 1; thủ tục hành chính số 17 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục các thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và không thực hiện tiếp nhận tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Thay thế thủ tục hành chính số 01, 13, 20, 21, 27, 28, 33, 34, 35, 45, 47, 48, 49, 70, 75, 78, 94, 99 Mục 10 Phụ lục 1, thủ tục hành chính số 140, 141, 146, 147, 148, 149, 150 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang công bố Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục kiểm soát TTHC-VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Website tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Mừng

Phụ lục
DANH MỤC CHUẨN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC
LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
VÀ PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
1	1.012921. H01	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024	Chi cục Kiểm lâm
2	1.012687. H01	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	1.011470. H01	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyet nguồn vốn trồng rừng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Thông tư số 22/2023/TT- BNNPTNT ngày 15/12/2023	Sở Nông nghiệp và Môi trường
4	3.000198. H01	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Thông tư số 22/2021/TT- BNNPTNT	Chi cục Kiểm lâm
5	1.007918. H01	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định 58/2024/NĐ-Cp ngày 24/5/2024	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư			
6	1.007917.H01	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	1.007916.H01	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	1.000084.0.H01	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	1.000081.H01	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Sở Nông nghiệp và Môi trường
10	1.000071.H01	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
11	1.000058. H01	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018	Sở Nông nghiệp và Môi trường
12	1.000055. H01	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023	Sở Nông nghiệp và Môi trường
13	1.012692. H01	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Sở Nông nghiệp và Môi trường
14	1.012691. H01	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Sở Nông nghiệp và Môi trường
15	1.012689. H01	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Sở Nông nghiệp và Môi trường
16	1.012688. H01	Quyết định giao rừng cho tổ chức	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Sở Nông nghiệp và Môi trường
17	1.012690. H01	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
18	1.012413. H01	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024	Sở Nông nghiệp và Môi trường
19	3.000160. H01	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024	Chi cục Kiểm lâm
20	3.000159. H01	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024	Chi cục Kiểm lâm
21	3.000152. H01	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Sở Nông nghiệp và Môi trường
22	1.004815. H01	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP Nghị định số 84/2021/NĐ-CP	- Chi cục Kiểm lâm (đối với trường hợp đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thực vật rừng, động vật rừng Nhóm II và các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục II, III CITES không phải loài thủy sản; - Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản (đối với trường hợp đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thủy sản)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					thuộc Phụ lục II (CITES)
23	1.000047. H01	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT	Chi cục Kiểm lâm
24	1.000045. H01	Xác nhận bảng kê lâm sản.	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023	Chi cục Kiểm lâm
B THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
1	1.012922. H01	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024	Hạt Kiểm lâm cấp huyện
2	1.012531. H01	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024	Ủy ban nhân dân cấp huyện
3	3.000250. H01	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023	Ủy ban nhân dân cấp huyện

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
4	1.011471. H01	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023	Ủy ban nhân dân cấp huyện
5	1.007919. H01	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024	Hạt Kiểm lâm cấp huyện
6	1.012695. H01	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Hạt Kiểm lâm cấp huyện
7	1.012694. H01	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Hạt Kiểm lâm cấp huyện
8	3.000154. H01	Thủ tục hải quan đối với gỗ nhập khẩu	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024	Chi cục Hải quan
C THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					
1	1.012693. H01	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư	Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Ủy ban nhân dân cấp xã